

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 17-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tuấn Kiệt.
2. Ông Trần Cao Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo: Ngô Thị Kim X, sinh năm 1990 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Liêm, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Trần Thị Đễ, sinh năm 1964; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 23/3/2019 đến ngày 26/3/2019 được trả tự do và cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Diệp Minh Trường - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị hại: Bà Từ Thị N, sinh năm 1953 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Trường P, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Phạm Thị S, sinh năm 1984. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Minh C, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Trần Nguyễn Anh T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Lâm Thị Hồng Y, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/3/2019, bà Từ Thị N đi bán cá tại chợ Đường Đức, thuộc ấp T, xã N về đến nhà mình. Bà N để một cái giỏ xách bằng nhựa màu đỏ bên trong khu vực sân nhà của bà (gần cổng rào làm bằng khung sắt và lưới B40), bên trong giỏ xách có chứa một cân đồng hồ (loại 02kg), một ca đựng nước uống, một túi xách bằng vải màu đỏ trong túi xách có số tiền 7.000.000 đồng và một túi nilon đựng 04 quyển sổ tay. Sau đó, bà N đi vào nhà sau của mình ăn cơm, phía trước nhà không có ai trông giữ tài sản. Cùng lúc này, bị cáo Ngô Thị Kim X một mình điều khiển xe đạp nhãn hiệu Martin trên đường đi bán vé số kiến thiết đi ngang nhà bà N thì bị cáo ghé vào nhà của bà N tìm bà Phạm Thị S (là con ruột bà N) để trả tiền nợ cho Sen. Bị cáo X để xe đạp trên lộ nhựa, bên ngoài cổng rào trước nhà bà N rồi đi bộ vào bên trong sân nhà bà N nhưng không nhìn thấy ai, bị cáo X nghĩ rằng Phạm Thị S đã ngủ trưa nên đi ra về. Khi đi trở ra thì nhìn thấy một cái giỏ xách bằng nhựa màu đỏ của bà N, bên trong giỏ xách có một túi vải màu đỏ, bị cáo nghĩ rằng trong túi vải có chứa nhiều tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nên dùng tay phải lén lút lấy túi vải màu đỏ mang ra để ở rổ xe đạp của bị cáo rồi nhanh chóng điều khiển xe đạp đi khỏi nhà của bà N. Bị cáo X điều khiển xe đạp đi vào đường đal thuộc ấp Vàm Đình, xã Ninh Thới rồi dừng xe lại kiểm tra túi vải màu đỏ vừa lấy trộm được của bà N thì nhìn thấy bên trong túi vải có chứa nhiều tiền và 01 túi nilon màu xanh, bên trong có chứa bốn quyển sổ. Bị cáo lấy tiền trong túi vải màu đỏ ra và để vào bên trong túi xách của bị cáo chung với tiền mà bị cáo bán vé số có được rồi ném bỏ túi vải màu đỏ (bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa 04 quyển sổ) xuống kênh nước cặp đường đal thuộc ấp V, xã N, huyện C, sau đó bị cáo X tiếp tục đi bán vé số.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo quay trở lại nhà bà N và lấy ngẫu nhiên một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng trả cho Phạm Thị S rồi tiếp tục đi bán vé số.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo bán hết 310 tờ vé số kiến thiết được số tiền là 3.100.000 đồng, bị cáo mang toàn bộ số tiền bán vé số và tiền lấy trộm được của bà N về nhà. Bị cáo xác định: Trong ngày 23/3/2019, tổng số tiền bị cáo bán vé số và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có được là 8.188.000 đồng (gồm: tiền trả cho Phạm Thị S là 200.000 đồng, bị cáo cất giữ số tiền là 3.808.000 đồng và đưa cho Nguyễn Trường P cất giữ số tiền là 4.180.000 đồng). Trong đó, tiền bị cáo bán vé số có được là 3.100.000 đồng, tiền bị cáo trộm cắp tài sản có được là 5.088.000 đồng.

Bà Từ Thị N xác định số tiền bị thiệt hại là 7.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của bà Từ Thị N và tại biên bản hỏi cung bị cáo ngày 11/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo X khai nhận: Do bị cáo không xác định được lúc ném bỏ túi vải màu đỏ xuống kênh nước cấp đường đal thuộc ấp Vàm Đình, xã Ninh Thới thì có còn sót lại số tiền nào trong túi vải không, nên bị cáo X thống nhất bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho bà Từ Thị N. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền mà bị cáo X đã trộm cắp của bà Từ Thị N là 7.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 13/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Ngô Thị Kim X về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Thị Kim X đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường P trình bày: Khi bị cáo X đưa số tiền 4.180.000 đồng cho anh thì bị cáo cho biết đây là tiền dùng để trả cho đại lý vé số (như thường lệ) nên anh không biết số tiền trên có liên quan đến sự việc bị cáo X trộm cắp tài sản của người khác có được. Anh đã giữ lại số tiền mà bị cáo X bán vé số có được là 3.100.000 đồng và tự nguyện giao nộp số tiền 1.080.000 đồng có liên quan đến sự việc trên cho Cơ quan điều tra. Đồng thời, anh cũng tự nguyện giao nộp số tiền 2.112.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại cho bà Từ Thị N, anh không có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim X từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ. Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ Luật Dân sự 2015, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Ngô Thị Kim X và bị hại Từ Thị N. Bị cáo Ngô Thị Kim X tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Từ Thị N số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè quản lý theo quy định.

Về vật chứng vụ án: 01 túi nilon màu xanh có chứa 04 quyển sổ sách của bà Từ Thị N Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã trao trả cho bà N theo quy định nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến bào chữa của vị Trợ giúp viên pháp lý: vị trợ giúp viên pháp lý thống nhất với quan điểm luận tội của vị Kiểm sát viên về tội danh và hình phạt. Tuy nhiên vị trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Ngô Thị Kim X phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình làm việc ở giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội có một phần là do lỗi của bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại đã gây ra; Ngoài ra người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có người thân là người có công với nước nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ ở điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Ngô Thị Kim X thống nhất với ý kiến bào chữa của Vị trợ giúp viên pháp lý, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo Ngô Thị Kim X nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án và tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/3/2019, tại nhà bà Từ Thị N thuộc ấp T, xã

N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Ngô Thị Kim X đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 túi xách bằng vải màu đỏ, bên trong có số tiền 7.000.000 đồng và 01 túi nilon màu xanh có chứa 04 quyển sổ sách của bà Từ Thị N. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Ngô Thị Kim X đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Ngô Thị Kim X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, bị cáo phải nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại đã gây ra; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có người thân là người có công với nước. Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc phạt bị cáo cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Ngô Thị Kim X cải tạo không giam giữ; giao bị cáo X cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện

C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục là thỏa đáng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Do bị cáo X không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Ngô Thị Kim X và bị hại Từ Thị N. Bị cáo Ngô Thị Kim X tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Từ Thị N số tiền 7.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 589 Bộ Luật Dân sự 2015. Bị cáo đã nộp xong hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè quản lý, số tiền này sẽ được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè để giao lại cho bà N.

[7] Về vật chứng vụ án:

01 túi nilon màu xanh có chứa 04 quyển sổ sách của bà Từ Thị N Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã trao trả cho bà N xong, việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Chấp nhận ý kiến bào chữa cho bị cáo của Vị Trợ giúp viên pháp lý

[10] Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị Kim X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim X 01 (một) năm 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ (từ ngày 23/3/2019 đến ngày 26/3/2019) là 09 ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Ngô Thị Kim X cho Ủy ban nhân dân xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Ngô Thị Kim X có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Ngô Thị Kim X.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Ngô Thị Kim X và bị hại Từ Thị N. Bị cáo Ngô Thị Kim X tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Từ Thị N số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè quản lý. Số tiền trên sẽ được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè để làm thủ tục giao trả lại cho bà Từ Thị N.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã xử lý vật chứng xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Ngô Thị Kim X được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Trúc Linh